TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2022
V/v: Ly hôn, nuôi con giữa anh Đ và chị A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân

Ông Lê Quang Bảo

- Thư ký phiên toà: Ông Lã Ngọc Tiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Tống Sỹ Đ , sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18/44 G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; trú tại: Số 42 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Vũ Thị Thục A, sinh năm 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18/44 G, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; trú tại: Số 42 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 42 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-02-2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Tống Sỹ Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Thục A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 13-02-2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tháng 12-2021 chị A bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 10 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị giải quyết ly hôn với chị Vũ Thị Thục A.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Tống Vũ Thảo N, sinh ngày 15-4-2008 và Tống Sỹ Tuấn M, sinh ngày 08-8-2011. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Tống Sỹ Đ không yêu cầu giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 10-3-2022 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là chị Vũ Thị Thục A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A trình bày thống nhất với anh Đ về điều kiện kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng hiện nay chị đang chấp hành án phạt tù nên chị nhất trí ly hôn với anh Tống Sỹ Đ .

Về con chung: Chị A trình bày thống nhất như anh Đ. Do hiện nay chị đang phải chấp hành án nên không trực tiếp nuôi con được, nên chị để cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Vũ Thị Thục A không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay chị đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Vì vậy, chị xin được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa.

3. Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 14-3-2022, chính quyền địa phương nơi anh Đ và chị A sinh sống cung cấp: Vợ chồng anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A sinh sống tại số nhà 42 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo tổ dân phố hòa giải. Về con chung, vợ chồng có hai con chung Tống Vũ Thảo N, sinh ngày 15-4-2008 và Tống Sỹ Tuấn M, sinh ngày 08-8-2011.

4. Đơn trình bày nguyện vọng của cháu Tống Vũ Thảo N và Tống Sỹ Tuấn M ngày 08-3-2022 hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều

21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Nguyên đơn là anh Đ và bị đơn là chị A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa anh Đ và chị A.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Tống Vũ Thảo N, sinh ngày 15-4-2008 và Tống Sỹ Tuấn M, sinh ngày 08-8-2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là chị Vũ Thị Thục A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13-02-2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, cuộc sống chung không hòa hợp. Hiện chị A đang phải chấp hành án phạt tù nên chị nhất trí ly hôn với anh Đ. Tại phiên tòa anh Đ giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị A. Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ và chị A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A có hai con chung là Tống Vũ Thảo N, sinh ngày 15-4-2008 và Tống Sỹ Tuấn M, sinh ngày 08-8-2011. Hiện chị A đang chấp hành án phạt tù nên chị A có quan điểm giao cả hai cháu cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu N và cháu M có quan điểm xin được ở với anh Đ. Anh Đ xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển của con nên Hội đồng xét xử giao cháu N và cháu M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là anh Tống Sỹ Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Tống Sỹ Đ và chị Vũ Thị Thục A.

2. Về nuôi con:

- Giao con chung Tống Vũ Thảo N, sinh ngày 15-4-2008; giới tính: Nữ và Tống Sỹ Tuấn M, sinh ngày 08-8-2011; giới tính: Nam cho anh Tống Sỹ Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị Thục A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Vũ Thị Thục A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Tống Sỹ Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005167 ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Anh Tống Sỹ Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị Thục A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND xã X, H. X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang